

Số: 105 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 18 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi là Nghị định số 20/2026/NĐ-CP), UBND tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (sau đây gọi là Nghị quyết số 198/2025/QH15) và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Tạo điều kiện thuận lợi giúp doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế tỉnh Gia Lai.

- Góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 có từ 60.000 đến 65.000 doanh nghiệp và đến năm 2035 có khoảng từ 75.000 doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế tỉnh.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo tính công khai, minh bạch, kịp thời, phù hợp với điều kiện ngân sách tỉnh. Đảm bảo thống nhất với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, tiến độ và kết quả đầu ra của từng cơ quan, đơn vị theo đúng tinh thần “6 rõ: rõ người – rõ việc – rõ thời hạn – rõ trách nhiệm – rõ kết quả - rõ thẩm quyền”.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi: Triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng: Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

III. CÁC NỘI DUNG HỖ TRỢ, ƯU ĐÃI

1. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

1.1. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư, nội dung hỗ trợ và xác định diện tích quỹ đất từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Thực hiện công bố công khai trên cổng thông tin của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành về nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư, nội dung hỗ trợ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15; diện tích quỹ đất từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15.

1.2. Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ

- Xây dựng Quyết định về mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Thực hiện công khai thông tin trên cổng thông tin của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành về mức giảm tiền thuê lại đất và thực hiện các nội dung hoàn trả khoản hỗ trợ đã giảm tiền thuê lại đất theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

1.3. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công

Xây dựng Quyết định quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2. Các ưu đãi về thuế, phí và lệ phí

2.1. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các Công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn; Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2.2. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

Thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; Cá nhân là chuyên gia, nhà khoa học theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2.3 Miễn thu phí, lệ phí

Thực hiện miễn thu phí, lệ phí áp dụng cho tất cả các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nếu phải cấp lại, cấp đổi các loại giấy tờ khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và khoản 5 Điều 16 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

3. Hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực

3.1. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Thực hiện hỗ trợ nội dung: Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Thực hiện hỗ trợ nội dung: Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các khoản chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi và các khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

3.2. Hỗ trợ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh

- Triển khai thực hiện chính sách để cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh nền tảng số tích hợp các giải pháp chuyển đổi số, trong đó có phần mềm kế toán có tính năng

tích hợp được với phần mềm hóa đơn điện tử và dịch vụ chữ ký số mà doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh sử dụng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh nền tảng số tích hợp các giải pháp chuyển đổi số, trong đó có phần mềm kế toán có tính năng tích hợp được với phần mềm hóa đơn điện tử và dịch vụ chữ ký số mà doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh sử dụng theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

3.3. Hỗ trợ miễn phí dịch vụ đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ 100% tổng chi phí của khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (bao gồm cả quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước để hỗ trợ 100% tổng chi phí của khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (bao gồm cả quản trị kế toán, thuế, nhân sự) cho doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch sử dụng từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn xã hội hóa, nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức, cá nhân và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định hiện hành.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cho triển khai Kế hoạch hàng năm thực hiện theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Phụ lục Bảng phân công nhiệm vụ kèm theo kế hoạch này triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tiết kiệm. (Kèm theo Phụ lục Bảng phân công nhiệm vụ).

- Kiểm tra và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý việc thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất kinh phí hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính

- Chịu trách nhiệm chủ trì, kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này; tổng hợp, xây dựng dự thảo báo cáo

định kỳ hàng năm kết quả thực hiện, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu; kịp thời đề xuất UBND tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh vượt thẩm quyền.

- Căn cứ khả năng cân đối của địa phương, tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ dự toán ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân hàng năm trên địa bàn tỉnh.

- Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng bố trí của ngân sách địa phương, tổng hợp và tham mưu UBND tỉnh kế hoạch và dự toán đề xuất ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này, gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội, các hiệp hội, hội doanh nhân trên địa bàn tỉnh

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này.

- Huy động các nguồn lực để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP và Kế hoạch này.

4. Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tỉnh

- Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

- Các Doanh nghiệp là Chủ đầu tư hạ tầng chủ động đề xuất chính sách ưu đãi hỗ trợ về miễn, giảm phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng và thời gian miễn giảm đối với doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

- Các Doanh nghiệp là Chủ đầu tư hạ tầng có kế hoạch hỗ trợ tiền thuê nhà (hàng năm) cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại đất trong khu công nghiệp.

5. Chế độ báo cáo

Định kỳ trước ngày 20 tháng 11 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về

một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo ./

Nơi nhận:

- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các phường, xã;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XDCT, X7.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Hữu Quế